

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Báo cáo KTKT xây dựng công trình đầu tư bổ sung mạng phân phối nước sạch thị trấn Đức Phong và xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 26/2009/QĐ-UBND ngày 29/6/2009 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1480/TTr-SKHĐT ngày 24/10/2012,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo KTKT xây dựng công trình đầu tư bổ sung mạng phân phối nước sạch thị trấn Đức Phong và xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng, nội dung cụ thể như sau:

**1. Tên công trình:** Đầu tư bổ sung mạng phân phối nước sạch thị trấn Đức Phong và xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng.

**2. Chủ đầu tư:** Sở Nông nghiệp và PTNT.

**3. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo KTKT:** Viện Kỹ thuật biển - Viện khoa học thủy lợi Việt Nam.

**4. Chủ nhiệm lập Báo cáo KTKT:** ThS. Phạm Văn Tùng.

**5. Mục tiêu đầu tư:** Đầu tư xây dựng nhằm sửa chữa kịp thời sự xuống cấp của công trình, nâng cấp hệ thống trạm cấp nước và xây dựng bổ sung mạng đường ống phân phối nước để cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho 1.087 hộ dân (khoảng 7.644 người) thị trấn Đức Phong, xã Đoàn Kết và các cơ quan hành chính, trường học, các cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu vực. Cải thiện môi trường sống và tình trạng sức khỏe cho nhân dân lao động, giúp nhân dân an tâm sản xuất, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần, đồng thời tạo tập quán sử dụng nước sạch, nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của nhân dân trong công tác quản lý và bảo vệ tài nguyên nước, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương.

**6. Nội dung và quy mô đầu tư, công suất thiết kế:**

6.1. Nội dung và quy mô đầu tư: Sửa chữa, nâng cấp hệ thống trạm cấp nước thị trấn Đức Phong và xây dựng bổ sung mạng đường ống phân phối để cấp nước thị trấn Đức Phong và xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng. Cụ thể các hạng mục như sau:

a) Sửa chữa các hạng mục trong khu nhà trạm:

- Thay mới 01 bơm cấp 1: Công suất trục 22 Kw, lưu lượng 72 m<sup>3</sup>/h; h=62m.

- Thay mới 04 bơm hóa chất, bao gồm: 02 bơm châm phen và 02 bơm định lượng Clo, mỗi bơm có thông số: lưu lượng Q = 50l/h, h=50m

- Sửa chữa bể lọc vật liệu nổi: Thay toàn bộ lớp vật liệu nổi và thay hệ thống lưới chắn Inox đã bị hỏng; thay mới 24 tấm Inox, mỗi tấm có thông số: chiều dày 2mm đục lỗ D1,5mm, diện tích 1,1mx1,1m; liên kết các tấm Inox bằng các thanh thép hình và bulon.

- Sửa chữa bể lọc cát: Thay mới 18 tấm đan đã hư hỏng và cát lọc bị rửa trôi; lắp đặt chụp lọc nhựa, đường kính D20mm, số lượng 450 cái.

b) Xây dựng mới nhà kho chứa hóa chất trong khu nhà trạm: Nhà 1 tầng trệt, diện tích 26 m<sup>2</sup>; Kết cấu: Móng xây đá chẻ, cột, dầm, sàn bằng bê tông cốt thép M200; tường xây gạch ống, trát vữa M75. Hoàn thiện: Tường, trần sơn nước; nền lát gạch ceramic; mái lợp tôn.

c) Xây dựng bể chứa nước điều hòa:

- Bể chứa nước: Bể đặt ở trên đồi để tạo áp lực tự chảy, bể có dung tích 172m<sup>3</sup>, kích thước bên trong 9mx6mx3,2m. Kết cấu: Đáy, tường bể, dầm, nắp đáy bằng bê tông cốt thép đá 1x2, M250, xử lý chống thấm bên trong.

- Cổng, hàng rào bao quanh, đường đi đến bể: Hàng rào bao quang bằng lưới thép D4mm, liên kết với hệ thống trụ rào kết cấu ống thép D60x3mm, trụ cổng và móng trụ hàng rào bằng bê tông cốt thép M200, chiều dài cổng hàng rào

khoảng 48m. Xây dựng đường đi lên bể bằng bê tông đá 1x2 M200 và xây gạch dài khoảng 200m.

d) Hệ thống đường ống cấp nước sạch: Sử dụng ống nhựa uPVC cấp nước sạch cho khu vực thị trấn Đức Phong và xã Đoàn Kết. Tổng chiều dài các tuyến ống là 9.208 m, trong đó:

- Khu vực thị trấn Đức Phong là 6.304m, gồm: Ống uPVC đường kính D160 dài 1.804m; ống uPVC đường kính D114 dài 4.500m.

- Khu vực xã Đoàn Kết sử dụng ống uPVC đường kính D160 dài 1.804m.

e) Hồ van: 06 hồ van xả cạn và 05 hồ van xả khí.

f) Hệ thống điện công trình: Sử dụng hệ thống điện hiện hữu.

6.2. Công suất thiết kế: Công suất của hệ thống 100m<sup>3</sup>/h.

7. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Đức Phong và xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng.

8. Diện tích sử dụng đất: Công trình sử dụng khoảng 9.923m<sup>2</sup> đất, trong đó khu trạm bơm sử dụng 715m<sup>2</sup> và 9.208m<sup>2</sup> tuyến đường ống nước.

9. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp nước), cấp IV.

10. Phương án xây dựng: Cải tạo, nâng cấp mở rộng công trình hiện hữu.

11. Phương án giải tỏa đền bù, hỗ trợ và tái định cư:

- Phần đất xây dựng đài chứa nước, bể điều hòa là đất trồng cây của hộ dân cần phải bồi thường, diện tích khoảng 715m<sup>2</sup>. Khái toán chi phí đền bù, hỗ trợ 160.000.000 đồng.

- Phần diện tích đất để lắp đặt tuyến ống chạy dọc theo hai bên đường khu Trung tâm hành chính huyện và đường huyện thuộc phạm vi hành lang lộ giới, một phần đi trên đất của các hộ dân với diện tích không đáng kể, thi công đến đâu sẽ tiến hành hoàn trả mặt bằng đến đó.

Đây là công trình cấp nước chủ yếu phục vụ dân sinh, nhà nước và nhân dân cùng làm, việc giải phóng mặt bằng được UBND xã phối hợp với chủ đầu tư vận động hộ dân dọc tuyến ống đi qua cùng thực hiện và không tính chi phí giải tỏa đền bù, không có hộ dân nào mất đất nên không phải bố trí tái định cư.

**12. Tổng mức đầu tư 10.488.320.646 đồng.**

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	7.783.569.508	đồng.
- Chi phí thiết bị:	80.267.000	đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	96.210.958	đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	818.420.588	đồng.
- Chi phí khác:	108.016.112	đồng.
- Chi phí giải tỏa đền bù, hỗ trợ:	160.000.000	đồng.
- Chi phí dự phòng:	1.441.836.480	đồng.

**13. Nguồn vốn đầu tư:**

- Ngân sách nhà nước: Vốn Chương trình MTQG nước sạch & VSMTNT và vốn khắc phục hạn hán, xâm nhập mặn vụ Đông - Xuân: 7.604.816.087 đồng (chiếm 72,5%).

- Vốn nhân dân đóng góp (thực hiện đầu tư từ điểm khởi thủy đến hộ dân sử dụng nguồn nước): 2.883.504.559 đồng (chiếm 27,5%).

**14. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

**15. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2012 - 2014.

**16. Kế hoạch đấu thầu:** Bảng kế hoạch đấu thầu kèm theo.

**Điều 2.** Sở Nông nghiệp và PTNT là chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp tục triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành, tổ chức thực hiện tốt dự án theo các nội dung được phê duyệt tại Điều 1.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc Nhà nước Bình Phước; Chủ tịch UBND huyện Bù Đăng, chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng KTTH, KTN;
- Lưu: VT (Nghĩa: 29.11). 7c



Nguyễn Văn Lợi

## KẾ HOẠCH ĐẦU THẦU BẢO CÁO KTKT

Công trình đầu tư bổ sung mạng phân phối nước sạch thị trấn Đức Phong và xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng  
(Kèm theo Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 23/11/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
<b>I</b>	<b>Xây lắp</b>						
1	Xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình đầu tư bổ sung mạng phân phối nước sạch thị trấn Đức Phong và xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng (bao gồm cả vận thành chạy thử).	4.990.331.949	Ngân sách nhà nước (Vốn Chương trình MTQG nước sạch & VSMTNT và vốn khắc phục hạn hán, xâm nhập mặn vụ Đông Xuân)	Chi định thầu	Năm 2012	Theo đơn giá điều chỉnh	270 ngày
<b>II</b>	<b>Mua sắm hàng hoá</b>						
1	Bảo hiểm công trình	16.684.112		Chi định thầu	Năm 2012	Trọn gói	Theo thời gian thi công
<b>III</b>	<b>Dịch vụ tư vấn</b>						
1	Lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị	13.669.661		Tự thực hiện	Năm 2012	Trọn gói	30 ngày
2	Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị	101.114.450		Chi định thầu	Năm 2012	Trọn gói	Theo thời gian thi công
3	Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng của công trình	35.390.058		Chi định thầu	Năm 2012	Theo đơn giá cố định	Theo thời gian thi công
4	Kiểm toán công trình	50.787.000	Chi định thầu	Năm 2013-2014	Trọn gói	30 ngày	

